TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/2022/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 15 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa:

- ***Nguyên đơn***: **Bà Sơn Thị Bích T** – sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ 09, ấp Thạnh Lợi, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- ***Bị đơn***: **Ông Lý Văn D** – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 05, ấp Cờ Trắng, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Sơn Thị Bích T và ông Lý Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Sơn Thị Bích T và ông Lý Văn D kết hôn với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/4/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm và phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T và ông D thuận tình ly hôn với nhau và được Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông, bà.

Về con chung: Bà T và ông D có 01 người con chung là Lý Phước T - ngày 19/3/2018. Bà T và ông D thỏa thuận: Giao cháu Lý Phước T cho bà Sơn Thị Bích

T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà T và ông D xin tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa nhưng bà T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí 150.000 đồng. Số tiền án phí bà T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000211 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Số tiền còn thừa bà T được nhận lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- UBND xã H, H.K, T.Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho